

Bản án số: **84/2022/HS-PT**.  
Ngày: 17/9/2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Vũ;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Hữu;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 84/2022/TLPT-HS ngày 03/8/2022 đối với bị cáo Trần Gia B do có kháng cáo của bị cáo B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Trần Gia B; Tên gọi khác: K; Sinh ngày: 19/8/1982; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thiện H và bà Trịnh Thị Kim E; Có vợ là bà Lâm Thị E1, sinh năm 1982 và 02 người con, người con lớn sinh năm 2008 và người con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2022 cho đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa:* Ông Trần Thiện M-luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên H-Chi nhánh thành phố S; Địa chỉ trụ sở: Số A, đường M, Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:* Bị hại Vưu Lại P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Hoàng N, Trịnh Đăng K; Người làm chứng Trịnh Kim H, Vưu Kiều T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 09 giờ ngày 10/9/2021, ông Trần Gia B và ông Vuur Lài Ph do có mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày nên đã có lời qua tiếng lại cãi vã lẫn nhau. Sau đó, Vuur Lài P nhặt khúc cây tre dài khoảng 03m cầm trên tay, Trần Gia B cũng nhặt khúc tre dài 2,9m. Khi P tiến đến chỗ B thì B dùng khúc tre đánh làm gãy cây tre của P thành hai đoạn nhưng P vẫn tiếp tục cầm khúc cây bị gãy tiến đến chỗ B. Lúc này, Trần Gia B vừa thụt lùi vừa dùng khúc tre thọt trúng vào vùng hạ sườn trái của P, thì P tiếp tục đuổi đánh B nên B đi vào trong nhà của ông Trịnh Kim H. Vuur Lài P tiếp tục đến cửa sau nhà ông H, khi bước lên bậc tam cấp nhà của ông H thì bị Nguyễn Hoàng N giật lấy đoạn tre làm P ngã xuống bậc tam cấp. Sau đó, Vuur Kiều T là con của ông P đến đưa ông P đi điều trị thương tích và trình báo chính quyền địa phương. Trong ngày 10/9/2021, Vuur Lài P có đơn yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Gia B về hành vi cố ý gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 304/TgT-PY ngày 03/11/2021 của Trung tâm Pháp y-Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận về thương tích của Vuur Lài P như: Sẹo vùng đỉnh trái, kích thước 4cm x 0,5cm, bề mặt bờ sẹo nhám nhỏ, căn cứ Bảng 1, Chương 8, Mục I.2, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%; 02 vết sây sát biến đổi rối loạn sắc tố da vùng hạ sườn trái, kích thước 04cm x 0,7 cm và 04 cm x 0,5 cm, căn cứ Bảng I, Chương 8, Mục V, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% và tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế hiện tại là 04%, thương tích do vật tày gây nên.

Tại Bản kết luận giám định số 634/C09B ngày 18/01/2022 và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 638/C09B ngày 18/01/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Sẹo vùng đỉnh trái của ông Vuur Lài P có đặc điểm phù hợp với vật tày, vật tày có cạnh tác động gây ra, hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới. 02 vết tăng sắc tố da vùng hạ sườn trái có đặc điểm phù hợp do vật tày, vật tày có cạnh gây ra, hướng từ trái qua phải. 02 khúc cây tre gửi giám định gây ra được thương tích cho ông Vuur Lài P. Mẫu vật gửi giám định khi tác động vào cơ thể người nếu gây thương tích là hung khí nguy hiểm.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Trần Gia B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Trần Gia B 03 (Ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

\* Ngày 23/6/2022, bị cáo Trần Gia B kháng cáo xin hưởng án treo.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Gia B giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

- Người bào chữa trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên bị cáo B về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo B với mức hình phạt là 03 tháng tù là nghiêm khắc, vì bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại cũng có phần lỗi, bị cáo đã tự nguyện bồi thường nhưng phía bị hại không nhận nên đã nộp số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục nộp thêm số tiền 11.478.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo là người lao động duy nhất trong gia đình. Đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo B có đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, cho bị cáo B được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Gia B 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo B tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 11.478.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm cho thấy sự ăn năn, hối cải của bị cáo. Xét bị cáo B bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo (sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Gia B, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo B được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Gia B lập ngày 22/6/2022 và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 23/6/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Gia B về việc xin hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Gia B như sau: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm xác định được nội dung vụ án như sau: Vào khoảng 09 giờ ngày 10/9/2021, do giữa bị cáo B và bị hại P có mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày nên xảy ra cự cãi, bị hại P nhặt khúc cây tre dài khoảng 03m và bị cáo B nhặt khúc cây tre dài 2,9m cầm trên tay. Bị hại P cầm khúc tre tiến đến chỗ bị cáo B thì bị bị cáo B đánh gãy khúc tre, bị hại P tiếp tục tiến tới chỗ bị cáo B, bị cáo B cầm khúc tre thọt trúng vào hạ sườn trái của bị hại P gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 02%. Đồng thời, theo kết luận giám định khúc tre mà bị cáo B dùng để đánh bị hại P là loại hung khí nguy hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Trần Gia B phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Gia B, về việc xin hưởng án treo: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo B là thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc Hoa và có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; vụ án xảy ra cũng có một phần lỗi của bị hại, theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo B mức án 03 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo B được áp dụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo B đã tự nguyện nộp số tiền 11.478.000 đồng để bồi thường cho bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm, điều này thể hiện thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo. Xét bị cáo B bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo B đã tiếp

tục nộp tiền bồi thường cho bị hại số tiền 11.478.000 đồng, điều này thể hiện bị cáo B thật sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy bị cáo B có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt bị cáo B chấp hành hình phạt tù. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận đề nghị của người bào chữa, chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, sửa phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo B của bản án sơ thẩm, cho bị cáo B hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo B là 01 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Đồng thời, trong thời gian thử thách nếu bị cáo B cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Gia B (tên gọi khác: K), về việc xin hưởng án treo.

Sửa phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Trần Gia B (tên gọi khác: K) của Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Gia B (tên gọi khác: K).

Xử phạt bị cáo Trần Gia B (tên gọi khác: K) 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (Một) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 17/9/2022.

Giao bị cáo Trần Gia B (tên gọi khác: K) cho Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Gia B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Gia B (tên gọi khác: K) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3. Về án phí hình sự phúc thẩm:**

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần Gia B (tên gọi khác: K) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

**5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thị xã V (02);
- VKSND thị xã V (01);
- CQĐT-Công an thị xã V (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã V (01);
- Chi cục THADS thị xã V (01);
- Bị cáo (01);
- Người bào chữa (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Lê Thanh Vũ**